

QUYẾT ĐỊNH

**Công khai các chế độ kỳ II và bổ sung kỳ I cho học sinh
năm học 2024-2025**

Căn cứ điều lệ trường trung học cơ sở, trường phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ theo Thông tư số 09/2024/TT-BGGĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT BTC ngày 28/9/2018 Sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai các chế độ kỳ II và bổ sung kỳ I cho học sinh năm học 2024 - 2025 của Trường THPT Hoàng Bồ

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 20/09/2025 đến ngày 30/12/2025. Địa điểm công khai phòng họp hội đồng, bảng thông báo, trang website của nhà trường.

Điều 3. Các ông (bà) Ban giám hiệu, Tổ trưởng chuyên môn, tổ văn phòng, giáo viên, nhân viên, các ông (bà) có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Sở Giáo dục QN;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu :VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Định

DANH SÁCH HỌC SINH HƯỞNG CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ HỌC SINH BÁN TRÚ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 - 2025
Thuộc đối tượng hỗ trợ quy định tại NQ 204/NQ-HĐND & NQ 248/NQ-HĐND & NQ 22/NQ-HĐND

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Địa chỉ thường trú (thôn, xã)	Dân tộc	Khoảng cách từ nhà đến trường (km) (1)	Địa hình cách trở, giao thông khó khăn (2)	Nơi ở bán trú (3)		Số tháng học ở bán trú (tháng)	Mức hỗ trợ (40% x 2.340.000đ)	Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
							Tại trường	Ngoài trường				
1	Trần Quốc Khánh	10A1	Thôn Đình - Xã Thống Nhất	Kinh	17			x	5	936.000	4.680.000	
2	Lương Khánh Dur	10A1	Thôn Chợ- Xã Thống Nhất	Kinh	16			x	5	936.000	4.680.000	
3	Trịnh Hải Quyên	10A3	Thôn Chợ- Xã Thống Nhất	Hoa	16			x	5	936.000	4.680.000	
4	Bàn Trần Yến Như	10A4	Thôn Đèo Đọc, xã Đồng Lâm	Dao	11	x		x	5	936.000	4.680.000	
5	Phạm Băng Băng	10A5	Thôn Đèo Đọc, xã Đồng Lâm	Kinh	11	x		x	5	936.000	4.680.000	
6	Bàn Thị Hà	10A6	Thôn Khe Lèn, xã Đồng Lâm	Dao	18	x		x	5	936.000	4.680.000	
7	Triệu Minh Hoàng	10A7	Thôn Đèo Đọc, xã Đồng Lâm	Dao	11	x		x	5	936.000	4.680.000	

8	Đặng Thị Hà Linh	10A9	Thôn Tân Ốc 2, xã Đồng Sơn	Dao	28	x		x	5	936.000	4.680.000	
9	Triệu Thị Ngọc	10A9	Thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm	Dao	16	x		x	5	936.000	4.680.000	
10	Đặng Thị Trung	10A9	Thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm	Dao	16	x		x	5	936.000	4.680.000	
11	Triệu Thị Quỳnh Chi	10A9	Thôn Đèo Đọc, xã Đồng Lâm	Dao	12	x		x	5	936.000	4.680.000	
12	Đặng Thị Quỳnh Châm	10A9	Thôn Tân Ốc 2, xã Đồng Sơn	Dao	28	x		x	5	936.000	4.680.000	
13	Bùi Trịnh Tuệ Minh	10A9	Thôn Chân Đèo, xã Thống Nhất	Kinh	18			x	5	936.000	4.680.000	
14	Đặng Thị Thương Huyền	10A9	Thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm	Dao	20	x		x	5	936.000	4.680.000	
15	Bàn Công Đoàn	10A8	Thôn Đèo Đọc, xã Đồng Lâm	Dao	10	x		x	5	936.000	4.680.000	
16	Nguyễn Tuấn Hưng	11A2	Thôn Chân Đèo, xã Thống Nhất	Kinh	18			x	5	936.000	4.680.000	
17	Lương Hà Anh	11A2	Thôn Chợ- Xã Thống Nhất	Kinh	14			x	5	936.000	4.680.000	
18	Đào Thanh Mai	11A2	Thôn 1- xã Dân Chủ	Kinh	10			x	5	936.000	4.680.000	
19	Triệu Ánh Quyên	11A4	Thôn Tân Ốc 1, xã Đồng Sơn	Dao	30	x		x	5	936.000	4.680.000	
20	Đặng Văn Văn	11A4	Thôn Tân Ốc 2, xã Đồng Sơn	Dao	25	x		x	5	936.000	4.680.000	
21	Đặng Đức Nam	11A4	Thôn Tân Ốc 1, xã Đồng Sơn	Dao	26	x		x	5	936.000	4.680.000	
22	Đặng Phúc Tân	11A4	Thôn Tân Ốc 2, xã Đồng Sơn	Dao	30	x		x	5	936.000	4.680.000	

23	Đặng Hữu Khang	11A5	Thôn Tân Ốc 1, xã Đồng Sơn	Dao	25	x		x	5	936.000	4.680.000	
24	Đỗ Hải Yến	11A5	Thôn Chợ- Xã Thống Nhất	Kinh	15			x	5	936.000	4.680.000	
25	Triệu Thị Hương	11A5	Thôn Đồng Quặng- Đồng Lâm	Dao	16	x		x	5	936.000	4.680.000	
26	Triệu Hoàng Phi	11A5	Thôn Đèo Đọc, xã Đồng Lâm	Dao	10	x		x	5	936.000	4.680.000	
27	Triệu Thị Thắm	11A5	Thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm	Dao	18	x		x	5	936.000	4.680.000	
28	Triệu Kim Mạnh	11A7	Thôn Đồng Quặng- Đồng Lâm	Dao	15	x		x	5	936.000	4.680.000	
29	Triệu Quý Mạnh	11A7	Thôn Đồng Quặng- Đồng Lâm	Dao	15	x		x	5	936.000	4.680.000	
30	Trần Trung Hải	11A7	Thôn Đình- xã Thống Nhất	Kinh	13			x	5	936.000	4.680.000	
31	Trần Hải Anh	11A7	Thôn Cài- Xã Đồng Lâm	Dao	15	x		x	5	936.000	4.680.000	
32	Lý Hữu Thắng	11A7	Thôn Tân Ốc 2, xã Đồng Sơn	Dao	25	x		x	5	936.000	4.680.000	
33	Triệu Chí Hân	10A7	Thôn Khe Lèn, xã Đồng Lâm	Dao	20	x		x	5	936.000	4.680.000	
34	Trần Như Quỳnh	12A4	Thôn Đồng Quặng- Đồng Lâm	Kinh	15	x		x	5	936.000	4.680.000	
35	Lý Tuấn Vỹ	12A4	Thôn Đèo Đọc, xã Đồng Lâm	Dao	10	x		x	5	936.000	4.680.000	
36	Đỗ Thị Hồng Ngọc	12A5	Thôn Đình- xã Thống Nhất	Kinh	11			x	5	936.000	4.680.000	
37	Lý Thị Hạnh	12A6	Thôn Đồng Quặng- Đồng Lâm	Dao	16	x		x	5	936.000	4.680.000	



38	Triệu Kim Cương	12A7	Thôn Đồng Quặng- Đồng Lâm	Dao	14	x		x	5	936.000	4.680.000	
39	Đặng Phúc Hậu	12A7	Thôn Cải- Xã Đồng Lâm	Dao	18	x		x	5	936.000	4.680.000	
40	Triệu Thị Trang	11A5	Thôn Khe Cát- Xã Tân Dân	Dao	30	x		x	5	936.000	4.680.000	
41	Bàn Thị Ngoan	11A5	Thôn Khe Càn- Xã Đồng Sơn	Dao	30	x		x	7	936.000	6.552.000	
Tổng cộng:											193.752.000	

Ghi chú:

Đơn vị sau khi tổng hợp danh sách học sinh ghi rõ:

- học sinh bán trú 1 tháng
- học sinh bán trú 2 tháng
- 01 học sinh bán trú 7 tháng
- 40 học sinh bán trú 05 tháng

Kế toán

(Ký tên, số điện thoại liên hệ)



Trần Thị Huyền

Hạ Long, ngày Tháng 09 Năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Định

DANH SÁCH HỌC SINH HƯỞNG CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP HK II NĂM HỌC 2024 - 2025
Thuộc đối tượng hỗ trợ quy định tại ND 81/2021/ND-CP

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng thuộc Nghị định 81/2021/ND-CP (1)				Mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú
			Mồ côi cả cha lẫn mẹ	Khuyết tật	Hộ nghèo	Thôn ĐBK, xã KVIII vùng dân tộc và MN, Xã ĐBK vùng ven biển hải đảo				
1	Vũ Hải Nam	10A5		x			150.000	5	750.000	
2	Vũ Thị Thu Hương	10A6		x			150.000	5	750.000	
3	Nguyễn Hải Linh	10A7		x			150.000	5	750.000	
4	Đoàn Văn Quyền	10A8		x			150.000	5	750.000	
5	Nguyễn Bích Loan	10A9		x			150.000	5	750.000	
6	Tây Thị Giang	11A4		x			150.000	5	750.000	



7	Nguyễn Như Bình	11A5		x			150.000	5	750.000	
8	Nguyễn Gia Phú	12A2		x			150.000	5	750.000	
	Tổng cộng								6.000.000	

Chú thích:

Cột (1): Ghi dấu X vào các dòng và cột tương ứng.

Hạ Long, ngày tháng 09 năm 2025

Kế toán

(Ký tên, số điện thoại liên hệ)



Trần Thị Huyền

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Định



CÔNG KHAI KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH NĂM HỌC 2024-2025
VỀ TRỢ CẤP MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ; HỖ TRỢ HỌC PHÍ; HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP; HỖ TRỢ HỌC SINH BÁN TRÚ
ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC THUỘC DIỆN ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Thực hiện Thông tư số: 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024, ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THPT Hoàn Bồ công khai kết quả thực hiện chính sách năm học 2024-2025 về trợ cấp miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập; hỗ trợ học sinh bán trú đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội cụ thể như sau:

Tổng số kinh phí sử dụng ngân sách nhà nước cấp: 199.752.000

Trong đó:

Stt	Chế độ	Kỳ I năm học 2024 - 2025		Kỳ II năm học 2024- 2025		Tổng cộng	Ghi chú
		Số học sinh	Số tiền (đồng)	Số học sinh	Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)	
A	B	1	2	3	4	5 = 2 + 4	C
1	Miễn học phí:					-	
2	Giảm học phí:					-	
3	Hỗ trợ chi phí học tập:			8	6.000.000	6.000.000	
4	Hỗ trợ học sinh bán trú:			41	193.752.000	193.752.000	
	Tổng cộng	-	-	49	199.752.000	199.752.000	

(Có danh sách kèm theo)

Ngày 20 tháng 09 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Định